

# CAM KẾT QUỐC TẾ VÀ VIỆC THỰC HIỆN CAM KẾT QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM TRONG ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

CHÂU MỸ LINH  
Viện Quyền Con người,  
Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

Nhận bài ngày 03/10/2025. Sửa chữa xong 05/11/2025. Duyệt đăng 10/11/2025.

## Abstract

*This article examines Vietnam's international commitments and domestic implementation efforts in responding to climate change—one of the most significant global challenges of the twenty-first century. Drawing on key international legal frameworks, including the United Nations Framework Convention on Climate Change (UNFCCC) and the Paris Agreement, the study analyzes how Vietnam has incorporated and operationalized policies on greenhouse gas (GHG) emissions reduction, green energy transition, and low-carbon economic development. From Resolution No. 24-NQ/TW to the 2020 Law on Environmental Protection and subsequent national action plans, Vietnam has demonstrated strong political resolve to achieve net-zero emissions by 2050. The paper also highlights Vietnam's participation in the Just Energy Transition Partnership (JETP) as evidence of its proactive and responsible engagement with the global climate agenda, underscoring the country's growing leadership and contributions to global sustainable development.*

**Keywords:** Climate change, international commitments, net-zero emissions, JETP, Vietnam's climate policy.

## 1. Đặt vấn đề

Bước vào thế kỷ 21, bên cạnh vấn đề hòa bình và an ninh, biến đổi khí hậu (BĐKH) đang trở thành một trong những thách thức lớn nhất đe dọa nghiêm trọng đến sự phát triển bền vững và tồn tại của loài người. Việc xây dựng một xã hội an toàn và bền vững trở thành ưu tiên hàng đầu và bức thiết của cộng đồng quốc tế. BĐKH không chỉ ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên mà còn đe dọa trực tiếp đến đời sống, kinh tế, và sức khỏe của con người. Vì vậy, việc chống lại BĐKH không chỉ là nhiệm vụ cấp bách mà còn là trách nhiệm của mỗi cá nhân, cộng đồng, từng quốc gia và thế giới.

Theo Liên Hợp Quốc, BĐKH là tình trạng thay đổi nhiệt độ và các kiểu thời tiết trong thời gian dài. Những thay đổi này có thể là tự nhiên, chẳng hạn như thông qua các biến thể của chu kỳ mặt trời nhưng kể từ những năm 1800, hoạt động của con người là nguyên nhân chính gây ra BĐKH, chủ yếu do đốt nhiên liệu hóa thạch như than, dầu và khí đốt [1]. Việc đốt nhiên liệu hóa thạch sẽ tạo ra khí thải nhà kính. Loại khí thải này hoạt động giống như một tấm chăn quấn quanh Trái Đất, giữ lại nhiệt của mặt trời và làm tăng nhiệt độ. Carbon dioxide và methane là hai ví dụ về loại khí thải nhà kính gây ra BĐKH. Chúng có thể xuất hiện khi chúng ta sử dụng xăng để lái xe hoặc sử dụng than để sưởi ấm tòa nhà. Việc phát quang đất đai và rừng cũng có thể thải ra carbon dioxide. Các bãi chôn lấp rác là một nguồn chính thải ra khí metan. Năng lượng, công nghiệp, giao thông, xây dựng, nông nghiệp và sử dụng đất là một trong những nguồn phát thải chính [1].

Việt Nam được coi là một trong 10 quốc gia được đánh giá bị tổn thương lớn nhất do tác động của BĐKH với biểu hiện rõ là nước biển dâng và xâm nhập mặn. Ủy ban Liên chính phủ về BĐKH (IPCC) cảnh báo, khi mực nước biển dâng lên 100 cm, diện tích đất bị mất đi của Việt Nam sẽ lên tới 40.000 km<sup>2</sup>, chiếm 12,1% tổng diện tích đất hiện có, kéo theo đó là hệ quả khoảng 17,1 triệu người sẽ mất đi

Email: [linh.chaamy@gmail.com](mailto:linh.chaamy@gmail.com)

nơi sinh sống. BĐKH là nhân tố chính gây ra bão lụt, lũ quét, sạt lở, chiếm 87 - 91% số lượng thiên tai, ảnh hưởng đến 70% dân số, gây thiệt hại khoảng 1 - 1,5% GDP, đe dọa nghiêm trọng tới việc thực hiện mục tiêu xóa đói, giảm nghèo và các mục tiêu phát triển bền vững của đất nước. Theo tính toán kịch bản BĐKH, đến cuối thế kỷ 21, nhiệt độ tăng khoảng 3,4°C, mực nước biển tăng thêm 1m sẽ có khoảng 40% diện tích đất đồng bằng sông Cửu Long bị ngập vĩnh viễn, khoảng 10% dân số bị ảnh hưởng trực tiếp do mất đất; đồng bằng sông Hồng sẽ có 240.000 ha đất sản xuất nông nghiệp bị ảnh hưởng; đối với vùng ven biển, ảnh hưởng của BĐKH lớn nhất là bão, áp thấp nhiệt đới và tình trạng hạn hán, lũ lụt, sạt lở đất diễn ra mạnh mẽ hơn [1].

## **2. Cam kết và hành động của Việt Nam trong giảm thiểu, ứng phó với biến đổi khí hậu**

Việt Nam, với vị trí địa lý đặc thù có lãnh thổ trải dài trên nhiều vĩ tuyến, địa hình đa dạng và phức tạp, có sự khác biệt khá lớn về khí hậu từng vùng miền lại phụ thuộc lớn vào nông nghiệp và ngư nghiệp nên đặc biệt dễ bị tổn thương bởi tác động của BĐKH, đặc biệt đối với nền kinh tế và cuộc sống của con người. BĐKH đã và đang tác động nhiều chiều đối với nước ta. Đối với nông nghiệp: BĐKH gây ra thời tiết cực đoan, mưa lũ, hạn hán và gió bão, gây tổn thất lớn cho nông nghiệp Việt Nam. Nhiệt độ tăng tạo điều kiện thuận lợi cho sâu bệnh, dịch bệnh và vật truyền bệnh trong nông nghiệp, đất đai mất mùa màng, cây trồng bị hạn chế sinh trưởng và động vật nuôi gặp khó khăn do thiếu thức ăn và nước. Đối với nguồn nước: BĐKH làm thay đổi mô hình mưa, nguồn nước mùa khô có xu hướng suy giảm, cạn kiệt nguồn nước kéo dài hơn, nhiều khu vực nước ngọt cũng sẽ bị xâm nhập mặn, ô nhiễm gia tăng do dòng chảy không còn khả năng tự làm sạch, khả năng chống chọi với thiên tai, trong đó có hạn hán sẽ tạo ra thách thức lớn đối với nhiều khu vực và làm giảm nguồn nước sạch [3, tr. 8]. Điều này ảnh hưởng đến cả nguồn cung cấp nước sinh hoạt và nước tưới tiêu cho nông nghiệp. Đối với môi trường và sinh thái hệ: Tăng mực nước biển có thể gây ra sự sụt lún, xói mòn, rửa trôi, sạt lở bờ sông, bờ biển gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tài nguyên đất đai ở các vùng ven biển, làm mất mát môi trường sống tự nhiên và ảnh hưởng đến đời sống của người dân ở những khu vực này. Đối với kinh tế, BĐKH gây ra tổn thất kinh tế lớn do thiên tai, mất mùa màng và giảm sản xuất nông nghiệp. Điều này cũng có thể dẫn đến sự mất mát về việc làm và tăng sự bất ổn kinh tế. Bên cạnh đó, BĐKH có thể làm gia tăng căng thẳng xã hội do sự cạnh tranh về nguồn tài nguyên và sự chuyển động dân số từ các vùng bị ảnh hưởng đến những nơi an toàn hơn [4, tr. 12].

### **2.1. Những cam kết của Việt Nam về ứng phó với biến đổi khí hậu**

Đối diện với thách thức trên, kể từ khi tiến hành công cuộc đổi mới, Việt Nam đã luôn thực hiện nhất quán chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về chủ động, tích cực hợp tác quốc tế trong ứng phó, thích ứng với BĐKH, nhất là nỗ lực thực hiện các điều ước quốc tế về BĐKH mà Việt Nam tham gia với tư cách là thành viên, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, đưa đất nước hướng đến mục tiêu phát triển bền vững. Cụ thể, Đại hội IX (năm 2001) lần đầu tiên sử dụng cụm từ "BĐKH", nhấn mạnh chủ động phòng tránh, hạn chế tác động xấu của thiên tai và sự biến động khí hậu bất lợi. Đại hội X (năm 2006) nhận định, tình trạng môi trường tự nhiên bị hủy hoại, khí hậu diễn biến ngày càng xấu, là vấn đề toàn cầu bức xúc, đòi hỏi các quốc gia, tổ chức quốc tế phối hợp giải quyết [5, tr. 3]. Đại hội XI (năm 2011) chứng kiến sự phát triển nhận thức ngày càng đầy đủ về BĐKH, nhận định đây là vấn đề mang tính cấp bách, liên quan đến vận mệnh loài người, sẽ tiếp tục diễn biến phức tạp và chủ trương "Tích cực hợp tác cùng các nước, các tổ chức khu vực, quốc tế trong việc đối phó với tình trạng BĐKH", "Tranh thủ sự giúp đỡ của cộng đồng quốc tế". Tiếp đó, Hội nghị Trung ương 7 khóa XI (năm 2013) của Đảng đã ban hành Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 3/6/2013 về chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường (BVMT), khẳng định sự coi trọng, nhấn mạnh sự tham gia của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong ứng phó, thích ứng với BĐKH, thể hiện trách nhiệm quốc tế, đóng góp tích cực vào các nỗ lực chung toàn cầu [6, tr. 37]. Đặc biệt, Đại hội XII (năm 2016) của Đảng đánh giá "Hợp tác quốc tế về quản lý tài nguyên, ứng phó với BĐKH, phòng, chống thiên tai được đẩy mạnh", đề ra nhiệm vụ "thu hút mạnh hơn mọi nguồn lực

đầu tư để phát triển kinh tế và BVMT, ứng phó với BĐKH” và lần đầu tiên đề ra chủ trương “chủ động thích ứng với BĐKH, phòng, tránh thiên tai, giảm mức phát thải khí nhà kính (KNK)”. Đại hội XIII (năm 2021) nhấn mạnh “thích ứng với BĐKH là yêu cầu cấp thiết, đồng thời là những thách thức rất lớn đối với nước ta trong thời gian tới” và chủ trương “Chủ động, tích cực hợp tác quốc tế trong việc chia sẻ thông tin, phối hợp nghiên cứu, quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên, bảo đảm an ninh sinh thái, an ninh môi trường, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, thích ứng với BĐKH... Thực hiện các cam kết quốc tế, góp phần cùng cộng đồng quốc tế thích ứng với BĐKH, bảo vệ hệ sinh thái toàn cầu” [6, tr. 399].

Vi vậy, để thực hiện các mục tiêu về giảm phát thải KNK, phát triển nền kinh tế theo hướng các-bon thấp, Việt Nam đã nỗ lực xây dựng, ban hành các văn bản, chính sách liên quan đến giảm phát thải KNK tại cấp quốc gia, ngành và địa phương. Điều này cũng nhằm cụ thể hóa các chủ trương về giảm phát thải KNK, bao gồm: Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 3/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và BVMT; Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và BVMT; Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/2/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã đề ra những định hướng lớn để phát triển đất nước, trong đó, ứng phó với BĐKH là một trong những nội dung quan trọng, bao gồm: Chủ động ứng phó hiệu quả với BĐKH; phát triển kinh tế xanh, kinh tế các-bon thấp, giảm nhẹ phát thải KNK. Ngoài ra, khoản 7, Điều 91, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 đã đưa ra quy định về trách nhiệm của doanh nghiệp, cơ sở thuộc danh mục phải thực hiện kiểm kê KNK... Nhằm cụ thể hóa các quy định này, ngày 7/1/2022, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 06/2022/NĐ-CP quy định giảm nhẹ phát thải KNK và bảo vệ tầng ô-dôn. Tiếp đó, ngày 18/1/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải KNK phải thực hiện kiểm kê KNK theo Quyết định số 01/2022/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ [7, tr. 23].

Tại Chiến lược quốc gia về BĐKH giai đoạn đến năm 2050, Việt Nam đề ra mục tiêu đến năm 2030, bảo đảm tổng lượng phát thải KNK quốc gia giảm 43,5% so với phát thải theo kịch bản phát triển thông thường (BAU), trong đó, lĩnh vực năng lượng giảm 32,6%, lượng phát thải không vượt quá 457 triệu tấn CO<sub>2</sub>tđ. Đến năm 2050, bảo đảm tổng lượng phát thải KNK quốc gia đạt mức phát thải ròng bằng “0”; lượng phát thải đạt đỉnh vào năm 2035, sau đó giảm nhanh để đạt mục tiêu phát thải ròng bằng “0”, trong đó, lĩnh vực năng lượng giảm 91,6%, lượng phát thải không vượt quá 101 triệu tấn CO<sub>2</sub> [7, tr. 501].

Việt Nam đã cũng đã chính thức công bố Kế hoạch huy động nguồn lực thực hiện Tuyên bố chính trị thiết lập Quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (JETP) cùng với Nhóm các đối tác quốc tế, gồm Liên minh châu Âu, Vương quốc Anh và Bắc Ireland, Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, Nhật Bản, Cộng hòa Liên bang Đức, Cộng hòa Pháp, Cộng hòa Italia, Canada, Vương quốc Đan Mạch, Vương quốc Na Uy; các hoạt động giới thiệu nỗ lực giảm nhẹ, thích ứng, tăng trưởng xanh trong thời gian qua, cũng như mong muốn tăng cường quan hệ hợp tác với các đối tác quốc tế để triển khai thực hiện mục tiêu giảm phát thải ròng bằng “0” trong thời gian tới.

Việc Việt Nam đồng hành với gần 150 quốc gia cam kết đạt phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 và tham gia nhiều sáng kiến tại các diễn đàn quốc tế đã phát đi tín hiệu mạnh mẽ đến cộng đồng quốc tế về quyết tâm cao trong ứng phó với BĐKH, mở ra cơ hội tận dụng sự dịch chuyển của nguồn tài chính toàn cầu đầu tư cho phát triển ít phát thải vào Việt Nam; đồng thời, mở ra nhiều cơ hội hợp tác về tăng trưởng ít phát thải, thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn, thích ứng với BĐKH [8, tr. 681].

## **2.2. Các Chương trình Hành động cụ thể để ứng phó với biến đổi khí hậu tại Việt Nam**

Cùng với đó, Việt Nam đã đề ra Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải KNK trong ngành Giao thông vận tải, nhiều chính sách khuyến khích phát triển giao thông vận tải

xanh đã được ban hành tạo động lực lớn cho quá trình chuyển đổi xanh. Hiện nay, Việt Nam đã và đang nổi lên là quốc gia dẫn đầu Đông Nam Á về chuyển đổi sang năng lượng sạch với gần 30% nguồn điện từ năng lượng tái tạo trong tổng công suất lắp đặt toàn hệ thống. Bên cạnh điện gió, điện mặt trời, một số dự án điện khí sử dụng khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), điện sinh khối cũng đang được gấp rút triển khai.

Các tập đoàn trong nước đã hành động, đồng hành với Chính phủ triển khai thực hiện mục tiêu giảm phát thải ròng Net Zero. Một số tập đoàn đa quốc gia sẵn sàng hợp tác với các cơ quan thuộc Chính phủ để thực hiện nhiều chương trình, dự án chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng công bằng. Bên cạnh đó, hỗ trợ các doanh nghiệp chuyển sang sản xuất ít phát thải chính sách cho thị trường tài chính xanh tại Việt Nam đang được dẫn hoàn thiện với từng loại công cụ cổ phiếu xanh, thị trường các-bon cũng như tín dụng xanh [9, tr. 108].

Việt Nam đã có những đóng góp mạnh mẽ vào công cuộc ứng phó với BĐKH toàn cầu được cộng đồng quốc tế đánh giá cao. Đặc biệt, Việt Nam là nước thứ 3 thông qua Tuyên bố chính trị, thiết lập quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (JETP). Thông qua JETP, các đối tác quốc tế giúp Việt Nam hoàn thiện chính sách chuyển giao công nghệ, hỗ trợ tài chính cho chuyển đổi năng lượng công bằng, thu hút đầu tư phát triển năng lượng tái tạo, nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, nâng cấp hạ tầng lưới điện, phát triển các kỹ năng và năng lực cần thiết đối với chuyển đổi công bằng thông qua giáo dục và đào tạo nghề, tăng cường tham gia của khu vực tư nhân, phát triển trung tâm năng lượng tái tạo và hình thành ngành công nghiệp năng lượng tái tạo; thúc đẩy lưu trữ, cất trữ và sử dụng các-bon, sản xuất thiết bị và pin lưu trữ năng lượng, sản xuất hydrogen xanh, amoniac xanh, phát triển điện gió ngoài khơi [9, tr. 155]. Để triển khai thực hiện JETP, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam đã thành lập Ban Thư ký thực hiện JETP để điều phối giải quyết các công việc liên quan và phối hợp với nhóm các đối tác quốc tế trong triển khai, thực hiện; phê duyệt Đề án triển khai thực hiện JETP với 10 nhóm nhiệm vụ trọng tâm. Các bên cũng đã phối hợp xây dựng và hoàn thành kế hoạch huy động nguồn lực thực hiện JETP (RMP) để đưa JETP vào thực hiện.

Việt Nam là một trong những nước đang phát triển tiên phong trong việc thể chế hóa những quy định quốc tế cũng như các cam kết ứng phó với BĐKH. Hiện Việt Nam đang triển khai mạnh mẽ các hành động thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng 0 và chuyển đổi năng lượng, tiếp tục có những đóng góp tích cực vào nỗ lực chung của toàn cầu [9, tr. 680]. Cụ thể, Việt Nam đã tiến hành có hiệu quả việc kiểm kê quốc gia KNK đối với lĩnh vực năng lượng, công nghiệp (IPPU), nông nghiệp, sử dụng đất và lâm nghiệp (AFOLU), chất thải. Theo Báo cáo cập nhật 2 năm/lần lần thứ 3 của Việt Nam, tổng phát thải ròng KNK trong năm 2016 là 316.734,96 nghìn tấn cacbon dioxit tương đương (CO<sub>2</sub>tđ). Trong đó, phát thải KNK từ lĩnh vực năng lượng chiếm tỷ trọng lớn nhất (65%), tiếp đó là lĩnh vực IPPU (chiếm 14,6%), lĩnh vực AFOLU (13,9%) và nhỏ nhất là lĩnh vực chất thải (chiếm 6,5%).

Đối với việc thực hiện Công ước Vienna về bảo vệ tầng ozone và Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ozone, Việt Nam đã loại trừ hoàn toàn các chất CFC, Halon, CTC; các chất HCFC được quản lý, loại trừ theo lộ trình giảm 35% mức tiêu thụ cơ sở và sẽ loại trừ hoàn toàn vào năm 2040. Từ năm 2024, các chất HFC bắt đầu được quản lý và loại trừ theo lộ trình thực hiện Bản sửa đổi, bổ sung Kigali thuộc Nghị định thư Montreal mà Việt Nam phê chuẩn tham gia [10].

Thực hiện Quan hệ Đối tác chuyển đổi Năng lượng Công bằng (JETP), các đối tác cam kết huy động ban đầu là 15,5 tỷ USD tại Việt Nam trong 3-5 năm tới, bao gồm hỗ trợ không hoàn lại; hỗ trợ kỹ thuật; các khoản vay mà các nước, các ngân hàng phát triển đa phương, quỹ hỗ trợ Việt Nam; các khoản tín dụng, tổ chức tín dụng quốc tế trong Liên minh Tài chính Glasgow vì mục tiêu phát thải ròng bằng 0 (GFANZ); các khoản đầu tư của các tập đoàn, doanh nghiệp quốc tế. Ứng phó với biến BĐKH trên toàn cầu và ở nước ta đã chuyển sang một giai đoạn mới, với những cơ hội từ việc Việt Nam đã và đang tham gia sâu và thực chất vào nỗ lực chung của toàn cầu, thời gian tới đây Bộ Tài nguyên và Môi trường tiếp tục phối hợp với các bộ, ngành liên quan tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Ban Chỉ đạo quốc gia triển khai thực hiện cam kết của Việt Nam ứng phó với BĐKH; thúc đẩy các bộ,

ngành và các đối tác tích cực triển khai thực hiện Tuyên bố chính trị JETP; triển khai những hành động cụ thể, thiết thực triển khai kết quả các Hội nghị COP26 đến COP28, đóng góp tích cực vào nỗ lực ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu [10].

Theo Báo cáo của Bộ Tài nguyên và Môi trường, năm 2021, sau Hội nghị COP26 đến nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã triển khai ký kết hợp tác với 8 quốc gia, 11 tổ chức quốc tế, định chế tài chính quốc tế, đã thiết lập Nhóm công tác chung về khí hậu giữa Việt Nam với một số nước như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Hoa Kỳ để triển khai các hành động ứng phó với BĐKH.

Đối với việc thực hiện Công ước Vienna về bảo vệ tầng ozone và Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ozone, Việt Nam đã loại trừ hoàn toàn các chất CFC, Halon, CTC; các chất HCFC được quản lý, loại trừ theo lộ trình giảm 35% mức tiêu thụ cơ sở và sẽ loại trừ hoàn toàn vào năm 2040. Từ năm 2024, các chất HFC bắt đầu được quản lý và loại trừ theo lộ trình thực hiện Bản sửa đổi, bổ sung Kigali thuộc Nghị định thư Montreal mà Việt Nam phê chuẩn tham gia.

Theo thống kê của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, nguồn lực đầu tư công trong 10 năm qua đáp ứng khoảng 24 tỷ USD cho các hoạt động ứng phó với BĐKH. Ngoài ra, hơn 30 tỷ USD đã được huy động từ khu vực doanh nghiệp và các chương trình, dự án đầu tư và hỗ trợ kỹ thuật từ quốc tế. Riêng Chương trình hỗ trợ ứng phó với BĐKH (SP-RCC) do Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì đã huy động được 1,5 tỷ USD cho các hoạt động ứng phó với BĐKH và phát triển kinh tế - xã hội; triển khai các dự án ở hầu hết các tỉnh, thành phố trong cả nước; gần 400 hành động chính sách về ứng phó với BĐKH được xây dựng và thực hiện ở các bộ, ngành, địa phương. Các nguồn đầu tư từ các quỹ có liên quan hỗ trợ ứng phó với BĐKH trong nước, quốc tế và vốn đầu tư từ doanh nghiệp trong nước và đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) cho ứng phó với BĐKH cũng ngày càng gia tăng. Đây là động lực để chuyển đổi mô hình phát triển gắn với xu thế phát triển toàn cầu, tăng cường hợp tác giữa các quốc gia, huy động sự tham gia của các tổ chức quốc tế, các định chế tài chính, doanh nghiệp trong và ngoài nước, tạo sự gắn kết và tham gia của toàn dân trong ứng phó với BĐKH [11].

### 3. Kết luận

Nhận thức được tầm quan trọng của việc ứng phó với BĐKH đối với sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững, Việt Nam đã và đang thực hiện các chủ trương của Đảng và Nhà nước cũng như cam kết quốc tế về ứng phó với BĐKH đã góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trong nỗ lực ứng phó với BĐKH toàn cầu, đặc biệt là sau khi Thỏa thuận Paris về BĐKH được Việt Nam phê duyệt năm 2016. Việt Nam luôn chủ động và tích cực tham gia có trách nhiệm, thực chất, hiệu quả các điều ước quốc tế về BĐKH toàn cầu, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của quốc gia thành viên, định kỳ kiểm kê quốc gia KNK và xây dựng các báo cáo quốc gia về BĐKH gửi Ban Thư ký Công ước, xây dựng và cập nhật Đóng góp do quốc gia tự quyết định, ban hành Chiến lược quốc gia về BĐKH giai đoạn đến năm 2050. Ngay sau khi kết thúc Hội nghị COP26, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam đã thành lập Ban Chỉ đạo quốc gia triển khai thực hiện cam kết của Việt Nam tại hội nghị này. Nhiều chính sách, chương trình, hành động về ứng phó BĐKH đã được ban hành và triển khai thực hiện. Một lộ trình tổng thể đã được xây dựng nhằm hiện thực hóa các mục tiêu khí hậu đã cam kết bằng việc tạo hành lang pháp lý, thúc đẩy và hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp, các ngành, các địa phương cùng có trách nhiệm giảm phát thải ròng [10]. Nổi bật có Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị COP26; Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030; Kế hoạch hành động giảm phát thải khí metan đến năm 2030, Kế hoạch quốc gia triển khai tuyên bố Glasgow về rừng và sử dụng đất đến năm 2030; Cập nhật Đóng góp do quốc gia tự quyết định NDC; Phê duyệt Quy hoạch điện VIII và Quy hoạch tổng thể phát triển năng lượng quốc gia theo hướng giảm mạnh điện than thay thế bằng nguồn điện từ năng lượng tái tạo, điện khí LNG; Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí carbon và khí methan của ngành Giao thông vận tải. Thông qua Tuyên bố chính trị thiết lập quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (JETP) và phê duyệt Đề án triển khai Tuyên bố JETP tại Việt Nam; Các bộ, ngành đã xây dựng và ban hành kế hoạch triển khai cam kết mục tiêu phát

thải ròng bằng “0”; Các doanh nghiệp vào cuộc, đẩy mạnh chuyển đổi xanh phục vụ ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế các-bon thấp. Các cam kết tại Hội nghị COP26 đã được Việt Nam từng bước đưa vào các văn bản quy phạm pháp luật để triển khai thực hiện, trong đó có Nghị định quy định Giảm nhẹ phát thải KNK và bảo vệ tầng ôzôn, quy định về nguồn lực cho ứng phó với BĐKH, xây dựng để ban hành tiêu chí phân loại xanh. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng cho việc thực hiện các hoạt động giảm phát thải, thúc đẩy phân loại xanh trên phạm vi cả nước thực hiện cam kết tại COP26 [11].

Có thể nói, những cam kết và hành động của Việt Nam đã phát đi tín hiệu mạnh mẽ đến cộng đồng quốc tế về quyết tâm cao trong nỗ lực ứng phó với BĐKH, mở ra cơ hội tận dụng sự dịch chuyển nguồn tài chính toàn cầu cho phát triển ít phát thải vào Việt Nam, đồng thời tạo cơ hội hợp tác về tăng trưởng ít phát thải, thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn, thích ứng hiệu quả với BĐKH.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Báo cáo hướng dẫn đánh giá tác động của biến đổi khí hậu - Green Climate Fund/Department of Climate Change (DCC-UNDP).
- [2] Báo cáo thường niên *Tình trạng Khí hậu Toàn cầu* của Tổ chức Khí tượng Thế giới (WMO) tháng 3/2024 - *State of the Global Climate 2023*.
- [3] Hội thảo Quốc tế *Environmental Protection and Climate Change Policies and Law 2023: Int'l. & National Legislation Reaching Net Zero Emissions – the Perspective of Developing Countries (EPCCPL 2023)*.
- [4] Quốc hội (2015). *Luật Khí tượng thủy văn*. Luật số 90/2015/QH13, ngày 23/11/2015.
- [5] Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 3/6/2013 về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường*.
- [6] Minh Thư (2023). *Việt Nam tích cực tham gia các cam kết về biến đổi khí hậu*. Nguồn: <https://tapchikinhtetaichinh.vn/viet-nam-tich-cuc-tham-gia-cac-cam-ket-ve-bien-doi-khi-hau.html>, ngày 29/01/2023.
- [7] *United Nations, What is Climate Change*. Nguồn: <https://vietnam.un.org/en/174469-climate-change>.
- [8] Đảng Cộng sản Việt (2019). *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (phần 1)*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 37, 399, 684, 966.
- [9] Đảng Cộng sản Việt Nam (2019). *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (phần 2)*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 23, 501, 554, 435, 489, 680.
- [10] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (tập 1)*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 108, 155.
- [11] *Việt Nam đồng hành cùng quốc tế ứng phó biến đổi khí hậu*. Nguồn: <https://nvsk.vnnet.vn/viet-nam-dong-hanh-cung-quoc-te>

## BÀN VỀ QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở...

### 3. Kết luận

Tiếp theo trang 332

Nhìn chung, Luật Nhà ở 2023 đã mở ra nhiều cơ hội cho người nước ngoài muốn sở hữu nhà ở tại Việt Nam. Luật cũng mang lại nhiều cơ hội để phát triển thị trường bất động sản và thu hút đầu tư quốc tế, nhưng cũng đặt ra không ít thách thức trong việc kiểm soát, quản lý và đảm bảo sự ổn định. Trong thời gian tới cần hướng tới việc thống nhất, đồng bộ các quy định giữa các văn bản pháp luật có liên quan, tạo nên một hệ thống pháp lý liền mạch và dễ dàng áp dụng. Sự thống nhất này giúp cho việc thực thi pháp luật được diễn ra một cách nhất quán, từ đó đảm bảo quyền lợi chính đáng của người nước ngoài tại Việt Nam.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Chính phủ (2024). *Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở*.
- [2] Quốc hội (2013). *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thông qua ngày 28/11/2013*.
- [3] Quốc hội (2015). *Bộ luật Dân sự*, Luật số 91/2015/QH13, ngày 24/11/2015.
- [4] Quốc hội (2014). *Luật Nhà ở*, Luật số 65/2014/QH13, ngày 25/11/2014.
- [5] Quốc hội (2023). *Luật Nhà ở*, Luật số 27/2023/QH15, ngày 27/11/2023.
- [6] Quốc hội (2023). *Luật Kinh doanh bất động sản*, Luật số 29/2023/QH15, ngày 28/11/2023.
- [7] Quốc hội (2008). *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam*, Luật số: 79/2025/QH15, ngày 24/6/2025.
- [8] Quốc hội (2023). *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam*, Luật số 23/2023/QH15, ngày 24/06/2023.